

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **73/2021/DS-ST**

Ngày 31-5-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thảo.

2. Ông Lý Khắc Đồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2020/TLST-DS, ngày 09 tháng 11 năm 2020, về việc *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST-DS, ngày 07 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Bùi Thị L**, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Tổ dân phố 09, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà **Bùi Thị L** là ông **Trần Văn L** - Luật sư Văn phòng Luật sư số 1 Vĩnh Phúc - Chi nhánh Tuyên Quang.

Địa chỉ: Tổ dân phố 05, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị **Đặng Thuý H**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Tổ dân phố 04, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Biên bản tự khai, Biên bản hòa giải và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn bà Bùi Thị L là ông Trần Văn L trình bày: Khoản tiền chị Đặng Thuý H ở địa chỉ: Tổ dân phố 04, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, vay bà Bùi Thị L ở địa chỉ: Tổ dân phố 09, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) gốc vào ngày 02/10/2018 có nguồn gốc là trước đó bà L cho chị H vay 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) gốc, sau đó đến ngày 15/11/2019 khi bà L và chị H đến Văn phòng Công chứng Mai Lan thành phố T, để chứng thực việc chị H uỷ quyền cho bà L liên hệ làm việc với các cơ quan, cá nhân, tổ chức có thẩm quyền được ký vào các giấy tờ cần thiết liên quan đến nhận hồ sơ bảo hiểm và rút

tiền bảo hiểm theo quy định của pháp luật đối với Sổ bảo hiểm xã hội của chị H, thì chị H hỏi bà L vay thêm 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) gốc nữa, nhưng bà L thấy 02 năm cuối trong Sổ bảo hiểm xã hội của chị H không thể hiện chị H đã đóng tiền bảo hiểm xã hội theo quy định, nên bà L chỉ cho chị H vay thêm 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) gốc, để chị H viết giấy vay nợ bà L lấy ngày 02/10/2018 nợ tổng cộng là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) gốc. Ngoài ra cùng ngày 15/11/2019 chị H có viết giấy cam kết là nếu bà L cho chị H vay thêm 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) nữa thành tổng cộng 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) gốc, thì chị H uỷ toàn quyền cho bà L đi rút tiền bảo hiểm xã hội thất nghiệp là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) của chị H, nhưng do trong Sổ bảo hiểm xã hội thể hiện 02 năm cuối chị H không nộp tiền bảo hiểm, nên bà L không cho chị H vay thêm 10.000.000 đồng nữa, và cho đến nay bà L cũng chưa rút 30.000.000 đồng Bảo hiểm thất nghiệp của chị H. Như vậy, tổng cộng 02 lần chị H vay bà L bằng 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) tiền gốc và lãi đến nay chưa trả.

Đối với Giấy vay tiền có ghi ngày vay là ngày 02/10/2018 hẹn ngày trả là 30/01/2018 là không đúng thực tế, vì theo tôi chị H đã viết nhầm hẹn ngày trả 30/01/2019 thành ngày 30/01/2018.

Tại phiên toà hôm nay, tôi xác định chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng giữa bà L với chị H đã lập ngày 02/10/2018, nên tôi yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết buộc chị H phải có trách nhiệm trả đủ cho bà L 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi theo Ngân hàng Nhà nước 9%/năm, kể từ ngày 02/10/2019 đến nay thì đồng thời bà L có trách nhiệm trả lại chị H Sổ bảo hiểm gốc mà hiện nay bà L đang giữ của chị H. Ngoài ra tôi không yêu cầu giải quyết nội dung gì khác.

Bị đơn chị Đặng Thuý H trình bày tại Bản tự khai; Biên bản hoà giải và tại phiên toà: Năm 2016 (không nhớ ngày, tháng) tôi có vay của bà Bùi Thị L 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) gốc với lãi suất hai bên thoả thuận miệng là 5.000đồng/triệu đồng/ngày, nhưng sau đó do gặp khó khăn nên tôi không trả được gốc và lãi, nên bà L cộng thêm 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) tiền lãi vào 40.000.000 đồng gốc để tôi viết giấy vay bà L là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) tiền gốc vào ngày 02/10/2018, hẹn đến ngày 30/01/2019 tôi sẽ trả đủ. Khi vay tiền tôi có cho bà L cầm cố 01 Sổ bảo hiểm xã hội số 0809002029, do Bảo hiểm xã hội tỉnh Tuyên Quang, cấp cho tôi ngày 25/11/2009 (sổ gốc), hiện nay bà L vẫn giữ Sổ bảo hiểm gốc này của tôi, vì kể từ khi đến hạn trả nợ đến nay tôi chưa trả cho bà L đồng gốc và lãi nào. Tôi công nhận Giấy vay tiền đề ngày 02/10/2018 là do tôi viết và ký giao cho bà L giữ. Nay ông Lý yêu cầu tôi phải trả cho bà L đủ 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi theo mức lãi suất của Ngân hàng Nhà nước quy định, kể từ ngày 02/10/2019 đến nay thì tôi chỉ nhất trí trả bà L tiền gốc, tôi không nhất trí trả tiền lãi và tôi yêu cầu bà L có trách nhiệm trả lại tôi Sổ bảo hiểm gốc của tôi hiện bà L đang giữ. Ngoài ra tôi không yêu cầu giải quyết nội dung gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, về tài liệu, chứng cứ đương sự cung cấp cho Tòa án.

Bà L cung cấp:

- 01 Giấy vay tiền gốc đề ngày 02/10/2018 với nội dung chị Đặng Thuý H vay của bà Bùi Thị L 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) tiền gốc.

- 01 Giấy uỷ quyền của bà Bùi Thị L uỷ quyền cho ông Trần Văn L tham gia tố tụng tại Toà án (bản chính).

- 01 Bản phô tô không có chứng thực Sổ bảo hiểm xã hội số 0809002029, do Bảo hiểm xã hội tỉnh Tuyên Quang, cấp ngày 25/11/2009, mang tên Đặng Thuý H.

Chị H cung cấp:

- 01 Bản phô tô không có chứng thực Hợp đồng uỷ quyền và Lời chứng thực của Công chứng viên - Văn phòng Công chứng Mai Lan thành phố T, đề ngày 15/11/2019, giữa bên uỷ quyền là Đặng Thuý H, bên được uỷ quyền là Bùi Thị L, về việc uỷ quyền liên quan đến Sổ bảo hiểm xã hội của chị Đặng Thuý H.

- 01 Giấy thoả thuận đề ngày 15/10/2019 mang tên người vay là Đặng Thuý H, mang tên người cho vay là Bùi Thị L (bản chính).

- 01 bản Hợp đồng vay tiền đề ngày 15/11/2019 (bản chính).

Ông Lý không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Toà án xác minh tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang, được biết mức lãi suất cơ bản đồng Việt Nam từ năm 2010 đến nay được quy định tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 9%/năm.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đã hoà giải cho các bên đương sự, nhưng không thành. Các đương sự đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân thành phố T, thụ lý và giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Tòa án xác định tư cách đương sự, và tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng trình tự của pháp luật quy định. Các phần tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành theo đúng trình tự, đúng pháp luật tố tụng quy định; ý thức chấp hành pháp luật của đương sự được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào các Điều 357; 463; 466; 468 của Bộ luật dân sự. Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 235; 264; 266; 267; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ đơn và nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L.

- Buộc chị Đặng Thuý H có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị L tổng số tiền là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi theo mức lãi suất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định, kể từ ngày 02/10/2019 đến nay. Chị H phải chịu lãi suất nếu chậm trả tiền theo quy định của pháp luật.

- Buộc bà L có trách nhiệm trả lại cho chị H 01 Sổ gốc bảo hiểm xã hội số 0809002029, do Bảo hiểm xã hội tỉnh Tuyên Quang, cấp cho chị Đặng Thuý H ngày 25/11/2009.

- Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà L tiền án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.
- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa:

[1] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, thấy rằng do quen biết, nên ngày 02/10/2018 chị Đặng Thuý H có vay của bà Bùi Thị L 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) tiền gốc. Sau khi vay tiền, chị H là người viết giấy vay tiền giao cho bà L giữ, hai bên không thoả thuận lãi suất, thời hạn vay thoả thuận là ngày 30/01/2019 sẽ trả đủ. Khi vay tiền chị H có cho bà L cầm cố 01 Sổ gốc bảo hiểm xã hội số 0809002029, do Bảo hiểm xã hội tỉnh Tuyên Quang, cấp cho chị Đặng Thuý H ngày 25/11/2009. Đến hạn trả nợ, bà L đòi nợ chị H nhiều lần không được, nên bà L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc chị H trả đủ tiền gốc và lãi theo quy định. Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xét thấy đây là vụ án dân sự về việc *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, theo khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

[2] Căn cứ vào Giấy vay tiền đề ngày 02/10/2018 cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ có đủ căn cứ pháp luật chứng minh ngày 02/10/2018 chị Đặng Thuý H có vay của bà Bùi Thị L 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) tiền gốc, hạn đến ngày 30/01/2019 sẽ trả đủ, nhưng đến nay chưa trả. Tại Biên bản ghi lời khai của bà L có lưu trong hồ sơ vụ án và ông Trần Văn L là người đại diện theo uỷ quyền của bà L tại phiên tòa yêu cầu chị H có trách nhiệm trả cho bà L 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi theo lãi suất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định là 9%/năm, kể từ ngày 02/10/2019 đến nay (ngày xét xử sơ thẩm 31/5/2021), chị H phải chịu lãi suất nếu chậm trả theo quy định là có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đơn và nội dung khởi kiện của bà L theo các Điều 357; 463; 466; 468 của Bộ luật dân sự quy định. Cụ thể được tính toán như sau:

Ngày 02/10/2018 chị H vay bà L 60.000.000 đồng tiền gốc, hạn trả nợ là ngày 30/01/2019, nhưng chị H chưa trả được đồng tiền gốc và lãi nào. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn yêu cầu tính lãi 9,0%/năm, kể từ ngày 02/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 31/5/2021 là $60.000.000 \text{ đồng gốc} \times 9\%/\text{năm} \times 608 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 8.995.068 \text{ đồng}$ (Tám triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn không trăm sáu tám đồng) tiền lãi.

Tại phiên tòa ông Trần Văn L tự nguyện tính lãi suất từ ngày 02/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 31/5/2021 tính tròn lãi là 8.550.000 đồng (Tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) là phù hợp pháp luật, nên chấp nhận.

Tổng cộng 60.000.000 đồng tiền gốc + 8.550.00 đồng tiền lãi = 68.550.00 đồng (Sáu mươi tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) là số tiền gốc và lãi chị H phải trả cho bà L.

[3] Do đã buộc chị H có trách nhiệm trả bà L toàn bộ tiền gốc và lãi theo yêu cầu, nên buộc bà L có trách nhiệm trả lại cho chị H 01 Sổ gốc bảo hiểm xã hội số 0809002029, do Bảo hiểm xã hội tỉnh Tuyên Quang, cấp cho chị Đặng Thuý H ngày 25/11/2009, theo quy định của pháp luật.

[4] Chị H cho rằng năm 2016 (không nhớ ngày, tháng) chị có vay của bà Bùi Thị L 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) gốc với lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 5.000đồng/triệu đồng/ngày, nhưng sau đó do gặp khó khăn nên không trả được gốc và lãi, nên bà L cộng thêm 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) tiền lãi vào 40.000.000 đồng gốc để chị viết giấy vay bà L là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) tiền gốc vào ngày 02/10/2018, hạn đến ngày 30/01/2019 sẽ trả đủ, nhưng chị H không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh, nên không căn cứ để xem xét, giải quyết; do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ ý kiến này của chị H theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Do bà L được chấp nhận toàn bộ đơn và nội dung khởi kiện, nên chị H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với tổng số tiền phải trả nợ cho bà L theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà L toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357; 463; 466; 468 của Bộ luật dân sự. Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 235; 264; 266; 267; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Buộc chị Đặng Thuý H có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị L tổng số tiền gốc và lãi là 68.550.000 đồng (Sáu mươi tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng); trong đó 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) tiền gốc và 8.550.000 đồng (Tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lãi.

Khoản tiền phải trả trên, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Buộc bà Bùi Thị L có trách nhiệm trả lại cho chị Đặng Thuý H 01 Sổ gốc bảo hiểm xã hội số 0809002029, do Bảo hiểm xã hội tỉnh Tuyên Quang, cấp cho chị Đặng Thuý H ngày 25/11/2009.

3. Án phí:

- Chị Đặng Thuý H phải chịu 3.427.500 đồng (Ba triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Bà Bùi Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Bùi Thị L toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.668.000 đồng (Một triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0000710 ngày 04/11/2020, của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

4. Quyền kháng cáo:

- Ông Trần Văn L và chị Đặng Thuý H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bà Bùi Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang;
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Tuấn